

Số: *223* /TB-CCTT&BVTV

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY
(Từ 7/5/2025 đến ngày 14/5/2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình: 28⁰C; Cao: 32⁰C; Thấp: 21⁰C.
- Nhận xét khác: Trong kỳ trời nắng nóng, nắng mưa xen kẽ, giữa kỳ gió mùa đông bắc, cuối oi nóng

2. Cây trồng

Đối tượng	GĐST	Diện tích (ha)
Lúa	trỗ- phơi màu- quay ngang- đổ đuôi	28.735
Ngô	Phun râu	6.644
Cây chè	Phát triển búp - Thu hái búp	22.126
Cây nhãn, vải	Vải, nhãn phát triển cành lá quả non	1.690
Cây na	Phát triển lộc xuân	970
Cây bưởi	Phát triển Quả non	2.162
Cây rau	Phát triển	5.158

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY

1. Cây lúa

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Mật độ trung bình 90 - 250 con/m², nơi cao 600 - 1500 con/m², tuổi 5 Cục bộ 2000-2500con/m² (Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Phổ yên, Sông Công).
 - Sâu đục thân 2 chấm: trung bình 0.15-1,5% danh bh, nơi cao 3-5% danh bh
 - Bệnh đạo ôn cổ bông: Tỷ lệ bệnh trung bình 0,13%, nơi cao 0.67%, % bông bạc, cấp 1, 3 (Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Bình, Đại Từ, Phổ Yên, Sông Công).
 - Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại trung bình 5-10%, nơi cao 15-20% danh hại , cục bộ 30-40% cấp 3-5-7 (Phổ Yên, Sông Công, Đồng Hỷ Đại Từ, Phú Lương).
 - Chuột: Tỷ lệ hại trung bình 0.8- 1.5% , nơi cao 2 –4% , cục bộ 10% danh hại.
- Ngoài ra có một số sâu bệnh khác: Đốm sọc vi khuẩn, bạc lá tỷ lệ hại thấp,

2. Cây ngô

- Sâu cắn lá: Mật độ trung bình 0,5 con/m², nơi cao 2 con/m². Tuổi 3,4
- Sâu keo mùa thu: Mật độ trung bình 0,3 - 0,5 con/m², nơi cao 1-2 con/m². Tuổi 4,5
- Bệnh đốm lá nhỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1 - 2%, nơi cao 5 - 10%, cấp 1-3.

3. Cây chè

- Rầy xanh: Tỷ lệ hại trung bình 5-10 %, nơi cao 10-15% búp bị hại, cục bộ 30% búp bị hại. (Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương)
- Bọ cánh tơ: Tỷ lệ hại trung bình 3-5%, nơi cao 15-20% .Cục bộ 25-30% Bbh
- Bọ xít muỗi: Tỷ lệ hại trung bình 3-5%, nơi cao 10-20% Bbh. Cục bộ 25% Bbh
- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1-5%, nơi cao 10% lá bị hại.

4. Cây rau: Rệp muội 1-3%, sâu tơ 1-5 con/m² , Bọ nhảy: 1-3 con/m²

5. Cây vải, nhãn

- Bọ xít nâu: Mật độ trung bình 0,5 con/cành, nơi cao 2-5 con/cành, tuổi N + TT.
- Nhện lông nhung: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.
- Bệnh thán thư: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.

6. Cây na, bưởi: Sâu bệnh an toàn.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

* Trên cây lúa: Rầy nâu, bệnh Khô vằn gây hại tăng, chuột, Sâu đục thân tiếp tục gây hại.

* Trên cây ngô: sâu keo mùa thu, sâu đục bắp ...tiếp tục gây hại.

* Trên cây chè: Rầy xanh, Bọ Cánh tơ, bọ xít muỗi gây hại tăng

* Trên cây vải, nhãn: bọ xít nâu, bệnh sương mai gây hại tăng.

* Trên cây na, bưởi: Các đối tượng gây hại ở mức độ thấp.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Theo dõi diễn biến thời tiết và các đối tượng gây hại trên cây trồng như: Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi trên cây chè, Tiếp tục theo dõi rầy nâu, sâu đục thân, chuột trên lúa. Bọ xít nâu trên cây nhãn vải. Chủ động tham mưu và đề xuất các biện pháp chỉ đạo phòng trừ hiệu quả, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên cây trồng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Phòng NN và Môi trường các H, TP;
- Phòng TN và Môi trường TP. Phổ Yên;
- Các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Lưu: VT, KDTVND.

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tá

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ 7/5/2025 đến ngày 14/5/2025)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)			Mất trắng	Số kỳ trước	Số với cùng kỳ NT	DTPT	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng				
Cây lúa	Rầy nâu, lưng trắng	Đòng - trổ- phơi màu- quay	90 - 250 c/m ²	600 - 1500 con/m ² (2500)	25	0	0	25	+16		45	Đồng hỷ, Phổ Yên, Sông Công, Đại Từ, Phú Lương
	Sâu đục thân 2 chấm	ngang- đồ đuôi	0.13- 0.65	3- 5%	5	0	0	5	+17		20	Đồng Hỷ, Võ Nhai
	Đạo ôn cổ bông		0,13%	0.67%	10	6		16	-22		16	Đồng hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, Sông Công, Đại Từ...
	Khô vằn		2 - 5%	10 - 30, 35%, 40%	465	186	3	675	-331		420	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên...

	Chuột		0,8 – 1.5%	2 – 10%	120	120	0	240		+25		300	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên...
Cây chè		Phát triển búp – Thu hái	Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Mát trắng	So kỳ trước	So với cùng kỳ NT	DTP	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên... 
	Rầy xanh		5-10%	10 - 15%	225	575	0	800	0	+110		1050	
	Bọ cánh tơ		5-10%	15 - 20 %	273	512	0	785	0	+215		785	
	Bọ xít muỗi		5-10%	10-20%	40	345	0	485	0	+90		520	
	Nhện đỏ		1,5-5%	10%	60	55	0	115	0	+115		115	
Cây ăn quả	Nhện lông nhung	Phát triển	1,25%	12,5%	4	0	0	4	0	0		4	Đồng Hỷ, Võ Nhai..
	Bọ xít nâu	Quả non	0,5 con/m ²	2 - 3 con/m ²	12	2	0	14	0	0		10	Đồng Hỷ, Võ Nhai..
	Thán thư		1,25%	12,5%	2	0	0	2	0	0		2	Đồng Hỷ, Võ Nhai..